

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/HS-ST
Ngày: 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Bình Hòa

Ông Phan Lương Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Mai Quang T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Tổ 7, Ấp 4B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn K và bà Phạm Thị Bích T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16/11/2023; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Đặng Minh H, sinh ngày 27/10/2005; nơi cư trú: Số 14/23, đường ĐX127, Khu phố 6, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Trường N, sinh ngày 25/4/2006; nơi cư trú: Số 50/14F, đường C, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Khánh D, sinh ngày 09/11/2004; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Hồ Nguyễn Hoài S – Chủ hộ kinh doanh Hồ Nguyễn Hoài S; địa chỉ: Số 174, đường H, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Nguyễn Vũ L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 16/2, Đường 165, Ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Minh G, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 50/14F, đường C, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4. Ông Mai Văn K, sinh năm 1968; nơi cư trú: Khu phố L, phường N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Đỗ Hoàng Khánh D và anh Dương Hoàng Thanh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Quang T thuê nhà số 315, đường N, Khu phố 7, phường H, thành phố T để sửa xe mô tô. Quá trình làm việc, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe và tiền của khách hàng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/5/2023, anh Đặng Minh H đem xe mô tô Yamaha Exiter, biển số 61G1-904.89 đến cho T sửa. Sau khi kiểm tra xe, T nói anh H để xe lại, khi nào sửa xong sẽ gọi đến lấy. Đến tối cùng ngày, T nảy sinh ý định đem xe của anh H đi cầm; T gọi cho anh H yêu cầu anh H đem giấy đăng ký xe đến cho T, với lý do Công an kiểm tra phải xuất trình; khoảng 20 giờ cùng ngày, anh H đến thấy xe của mình đã được tháo ra sửa, nên tin tưởng đưa giấy đăng ký xe cho T.

Ngày 01/06/2023, T đem xe mô tô biển số 61G1-904.89 đến Tiệm cầm đồ Thành P (do anh Hồ Nguyễn Hoài S – Chủ hộ kinh doanh làm chủ), T vào gặp anh Trần Nguyễn Vũ L (nhân viên) đưa xe, giấy đăng ký xe và căn cước công dân của T cho anh L, T nói với anh L là xe T mua nhưng chưa sang tên. Sau khi xem xe và giấy tờ, anh L gọi cho anh S, anh S đồng ý cầm xe 25.000.000 đồng; anh L lập hợp đồng cầm tài sản với thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/7/2023 và đưa cho T 25.000.000 đồng.

Khoảng 01 tuần sau, anh H gọi cho T lấy xe, T lấy nhiều lý do kéo dài thời gian giao xe cho anh H; ngày 05/8/2023, anh H phát hiện xe của mình bị T mang đi cầm, nên đến Công an phường H tố cáo T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 267KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, biển số 61G1-904.89 trị giá 35.000.000 đồng.

Ngày 05/8/2023, anh Trần Nguyễn Vũ L đến Công an thành phố Thủ Dầu Một giao nộp xe mô tô Yamaha Exiter, biển số 61G1-904.89. Ngày 28/8/2023, Cơ quan điều tra trả xe cho anh Đặng Minh H, anh H không yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 13/6/2023, anh Trần Trường N đem xe mô tô Honda Vario 150, biển số 59Y3-607.80 đến cho T sửa. Sau khi kiểm tra xe, T nói anh N để xe lại và hẹn anh N ngày 17/6/2023 đến lấy; T yêu cầu anh N đưa

giấy đăng ký xe cho T, với lý do Công an kiểm tra phải xuất trình, anh N đưa giấy đăng ký xe cho T. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định đem xe của anh N đi cầm; T đem xe mô tô biển số 59Y3-607.80 đến Tiệm cầm đồ Thành P, T gặp anh Trần Nguyễn Vũ L đưa xe, giấy đăng ký xe (giấy xe đứng tên ông Trần Minh G là cha của anh N) và căn cước công dân của T, T nói với anh L là xe T mua nhưng chưa sang tên. Sau khi xem xe và các giấy tờ, anh L gọi cho anh S, anh S đồng ý cầm xe 20.000.000 đồng; anh L lập hợp đồng cầm tài sản với thời hạn 01 tháng, từ ngày 13/6/2023 đến ngày 13/7/2023 và đưa cho T 20.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2023, anh N gọi cho T để nhận xe, T nói do Công an kiểm tra, nên chưa sửa được. Đến ngày 19/6/2023, T gọi cho anh N nói cần tiền mua phụ tùng sửa xe, anh N chuyển 500.000 đồng vào tài khoản của T. Ngày 21/6/2023, T gọi cho anh N nói cần ứng 2.500.000 đồng để mua phụ tùng; anh N hẹn T đến ngã tư T, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa cho T 2.500.000 đồng. Ngày 10/7/2023, T nhắn tin nói anh N chuyển 500.000 đồng cho T nộp phạt lấy xe vì xe bị Công an tạm giữ; anh N chuyển 500.000 đồng vào tài khoản của T.

Sau nhiều lần gọi cho T để nhận xe nhưng không được, anh N phát hiện xe bị T đem đi cầm; ngày 19/8/2023, anh N cùng ông Trần Minh G đến Công an thành phố Thủ Dầu Một tố cáo T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 272/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vario 150, màu xanh-đen, biển số 59Y3-607.80 trị giá 43.000.000 đồng.

Ngày 21/8/2023, anh Hồ Nguyễn Hoài S đem xe mô tô Honda Vario 150, biển số 59Y3-607.80 giao nộp cho Công an thành phố Thủ Dầu Một. Ngày 28/8/2023, Cơ quan điều tra trả xe cho ông Trần Minh G; ông G không yêu cầu T bồi thường thiệt hại. Ngày 06/12/2023, ông Mai Văn K (cha của T) bồi thường cho anh N 3.500.000 đồng, anh N không yêu cầu T bồi thường thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/6/2023, anh Nguyễn Khánh D đem xe mô tô Honda Vario 150, biển số 59Y3-745.80 đến cho T sửa. Sau khi kiểm tra xe, T nói anh D để xe lại và hẹn ngày 04/7/2023 đến lấy; T yêu cầu anh D đưa giấy đăng ký xe, với lý do Công an kiểm tra phải xuất trình; anh D để lại xe và đưa giấy đăng ký xe cho T. Do bị nhiều người đòi nợ, nên T nảy sinh ý định đem xe của anh D đi cầm. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đem xe mô tô biển số 59Y3-745.80 đến Tiệm cầm đồ Thành P gặp anh Trần Nguyễn Vũ L, T đưa giấy đăng ký xe và đưa hình căn cước công dân của anh D cho anh L xem, T nói với anh L là xe T mua nhưng chưa sang tên. Sau khi xem xe và giấy tờ, anh L gọi cho anh S, anh S đồng ý cầm xe 20.000.000 đồng; anh L lập hợp đồng cầm tài sản với thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/7/2023 và đưa cho T 20.000.000 đồng.

Sau nhiều lần gọi cho T để nhận xe nhưng không được, anh D biết xe của mình bị T đem đi cầm. Ngày 08/8/2023, anh D đến Công an phường Hiệp Thành tố cáo T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 268/KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một,

kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vario 150, biển số 59Y3-745.80 trị giá 43.000.000 đồng.

Ngày 10/8/2023, anh Hồ Nguyễn Hoài S đến Công an thành phố Thủ Dầu Một giao nộp xe mô tô hiệu Honda Vario 150, biển số 59Y3-745.80. Ngày 28/8/2023, Cơ quan điều tra trả xe cho anh Nguyễn Khánh D; anh D không yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Sau khi đem xe của anh Đặng Minh H, anh Trần Trường N và anh Nguyễn Khánh D đi cầm, T đóng cửa tiệm bỏ trốn. Đến ngày 16/11/2023, T đến Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú.

Quá trình điều tra xác định: Khi nhận cầm các xe cho T, anh Hồ Nguyễn Hoài S và anh Trần Nguyễn Vũ L không biết xe do T chiếm đoạt mà có. Ngày 05/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Văn bản số 116/CV-ĐTTH đề nghị Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính đối với anh S và anh L về hành vi “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố”. Anh Hồ Nguyễn Hoài S yêu cầu Mai Quang T trả lại số tiền 65.000.000 đồng, T chưa trả cho anh S.

Tại Cáo trạng số 112/CT-VKSTDM-HS ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Mai Quang T để xét xử về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Quang T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Quang T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo trả lại cho anh Hồ Nguyễn Hoài S số tiền 65.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận, bị cáo Mai Quang T không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Ông Mai Văn K không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Mai Quang T nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Mai Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Trong các ngày 30/5/2023, 13/6/2023 và 16/6/2023, tại nhà số 315, đường N, Khu phố 7, phường H, thành phố Thủ Dầu Một; sau khi nhận được xe mô tô Yamaha Exiter, biển số 61G1-904.89 của anh Đặng Minh H; xe mô tô Honda Vario 150, biển số 59Y3-607.80 của anh Trần Trường N và xe mô tô Honda Vario 150, biển số 59Y3-745.80 của anh Nguyễn Khánh D để sửa; Mai Quang T đã có hành vi đem các xe đi cầm tại Tiệm cầm đồ Thành P lấy số tiền 65.000.000 đồng rồi bỏ trốn; theo kết luận định giá, tổng giá trị của 03 xe là 121.000.000 đồng; đồng thời, Mai Quang T còn có hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng của anh Trần Trường N. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Mai Quang T để xét xử về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức chấp hành pháp luật kém, nên bị cáo đã thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (áp dụng đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản).

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho các bị hại; bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh N, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đến Cơ quan Công an đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b (áp dụng đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm 02 tội và bị cáo phạm tội nhiều lần, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật. Do bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với anh Hồ Nguyễn Hoài S và anh Trần Nguyễn Vũ L, khi nhận cầm xe không biết xe do T phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự mà có văn bản đề nghị Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của các bị hại đã được thu hồi giao trả và bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét. Quá trình điều tra, anh Hồ Nguyễn Hoài S yêu cầu bị cáo trả lại 65.000.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả theo yêu cầu của anh S, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Quang T phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Mai Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Mai Quang T 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Mai Quang T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc bị cáo Mai Quang T phải trả cho anh Hồ Nguyễn Hoài S số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Mai Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường